CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Ngày 30/06/2025	12,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**-5.9%**	**0.8%**

DT thuần
Q2/25
22.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.9| 113%
YoY: ▼79.5| -77.9%

LN thuần
Q2/25
1.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.53| 294%
YoY: ▲ 1.49| 310%

LN sau thuế
Q2/25
1.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.24| 1380%
YoY: ▲ 0.84| 172%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
18.5%
YoY: +/-▲ 17.3%

ROE (TTM)
Q2/25
15.0%
YoY: +/-▲ 0.5%

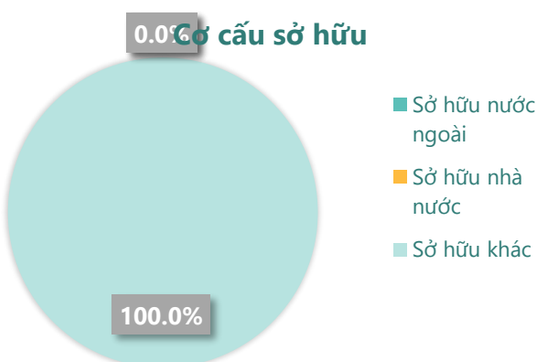
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 16,927
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
Số lượng CPLH (CP)	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,595
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.42
EPS	3,494
P/E	3.6

DT thuần
6T 2025
33.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼158| -82.6%

LN thuần
6T 2025
0.49
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.02| -91.1%

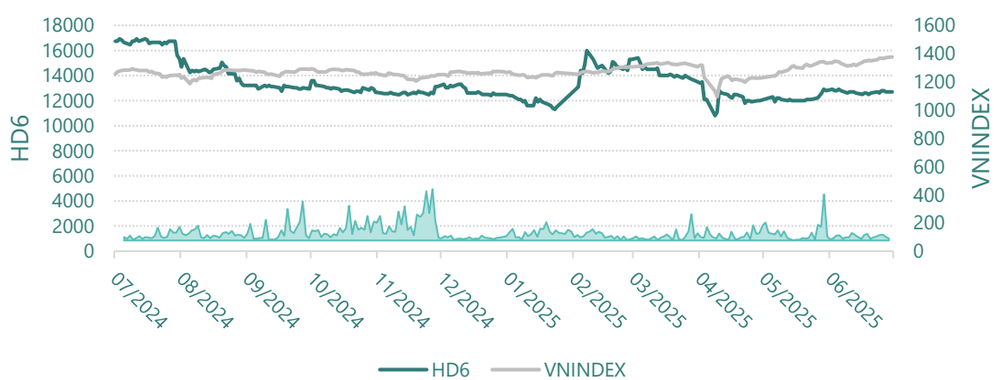
LN sau thuế
6T 2025
1.42
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.45| -70.8%

Cơ cấu sở hữu

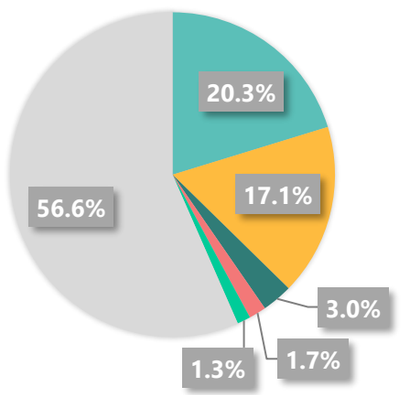


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

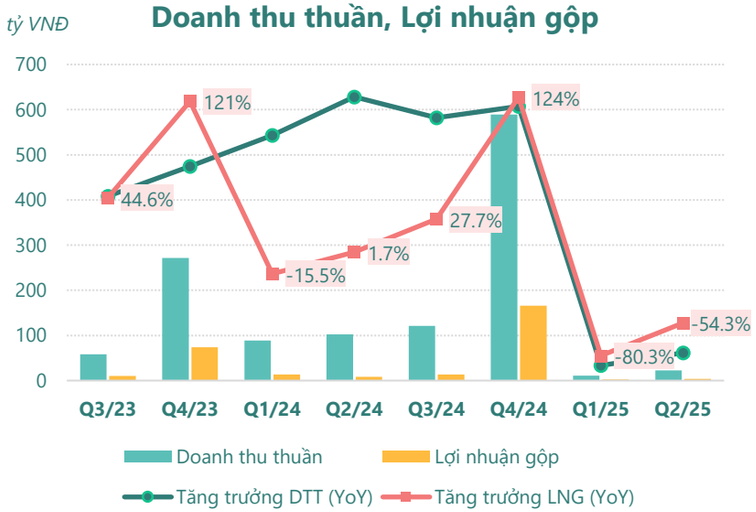


- Lê Quốc Bình (Chủ tịch HĐQT)
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội
- Vũ Tuấn Anh (Thành viên HĐQT)
- Phạm Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

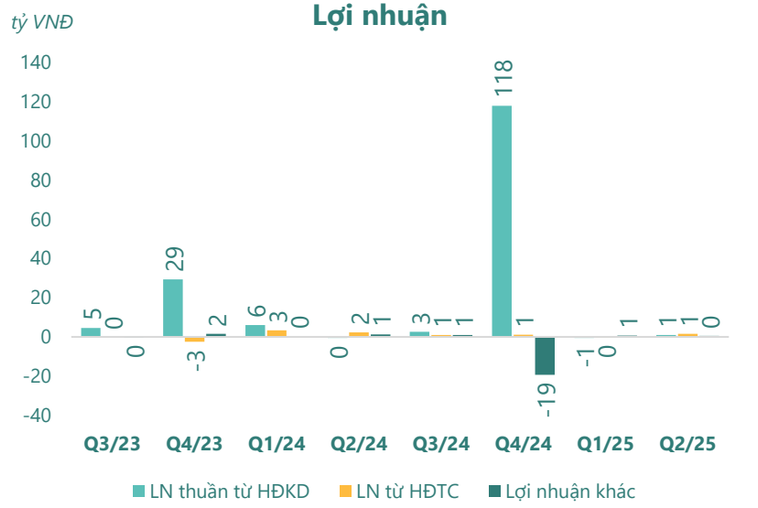
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



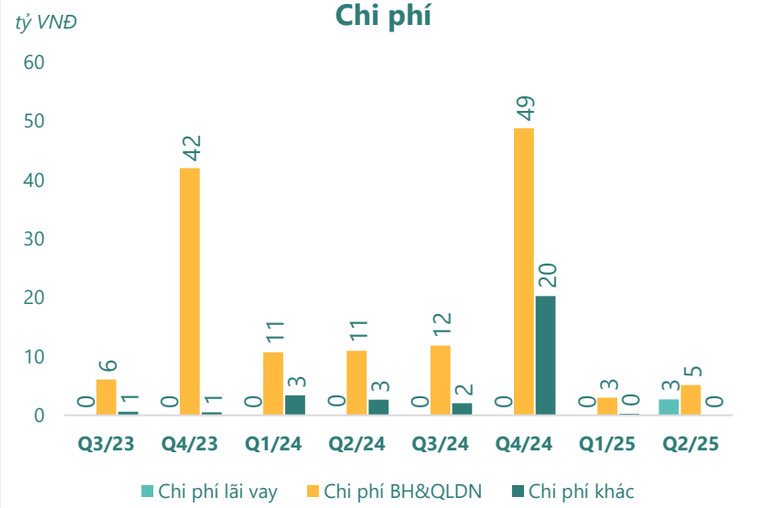
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



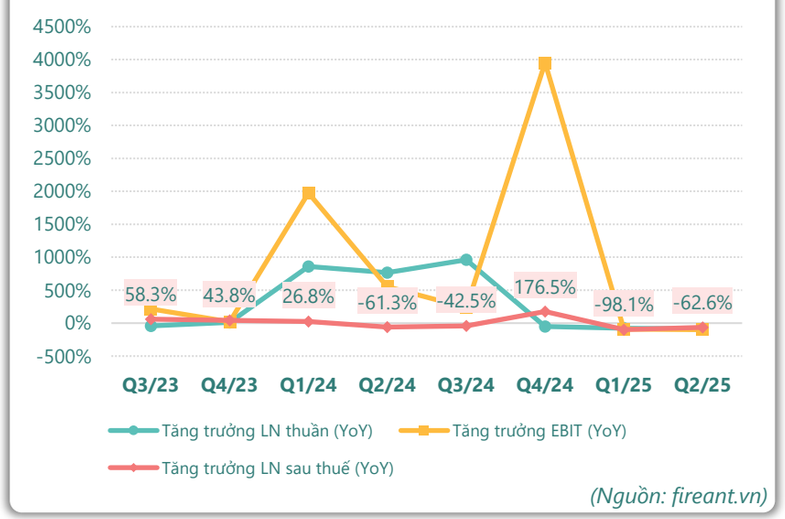
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



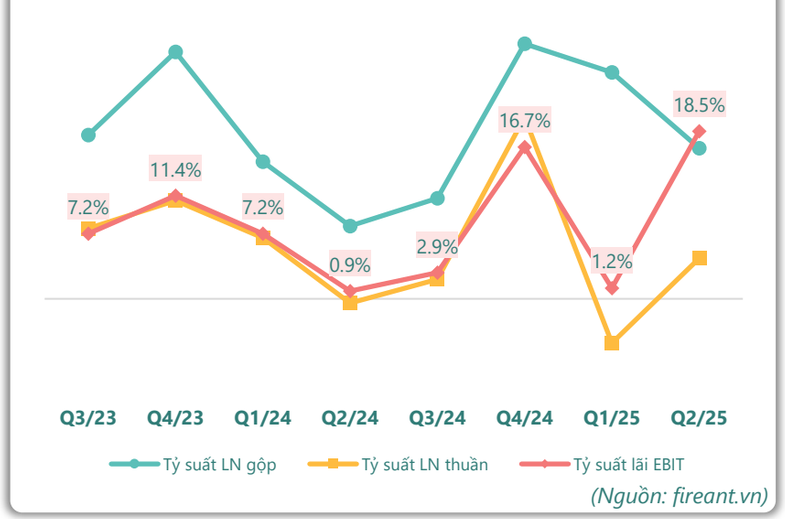
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



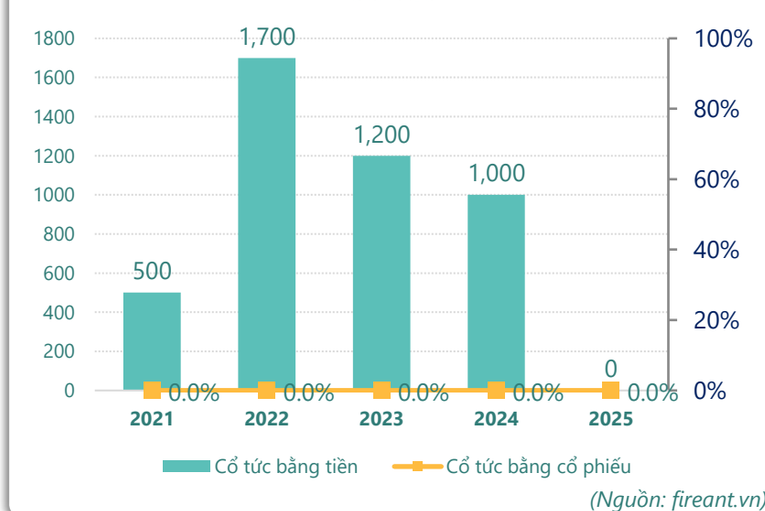
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

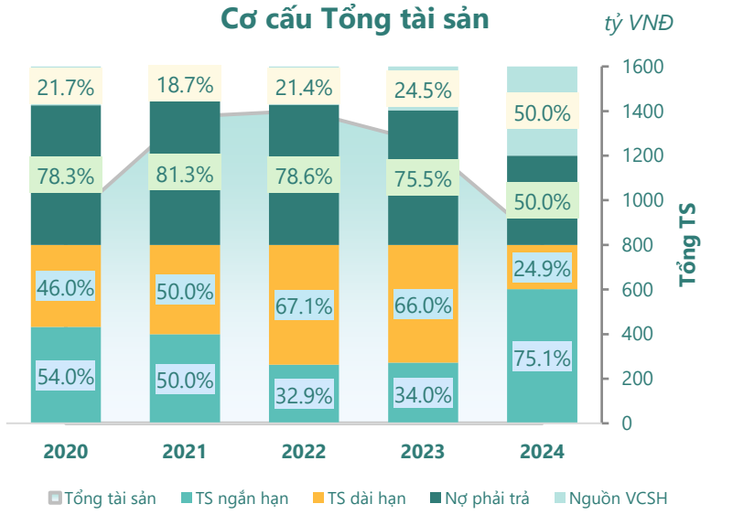
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

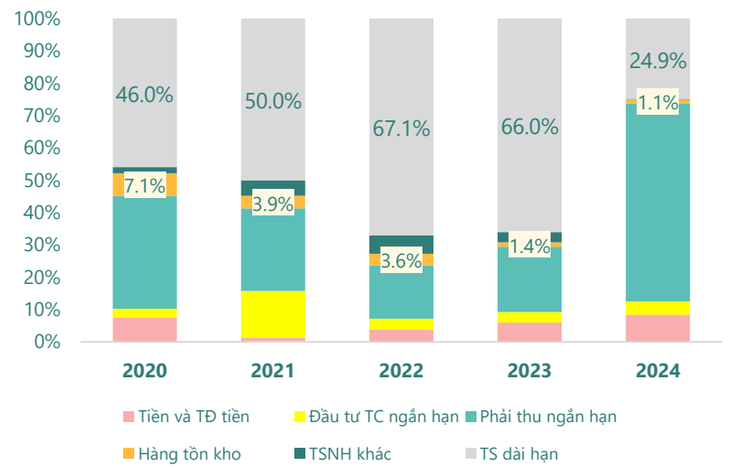
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



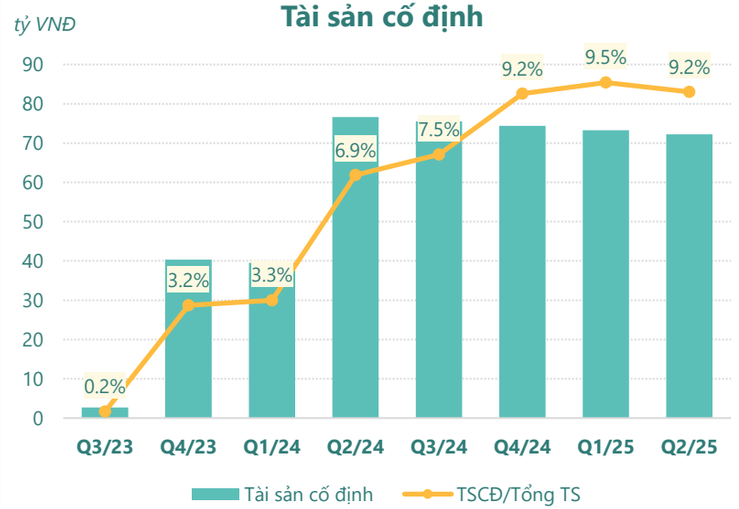
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



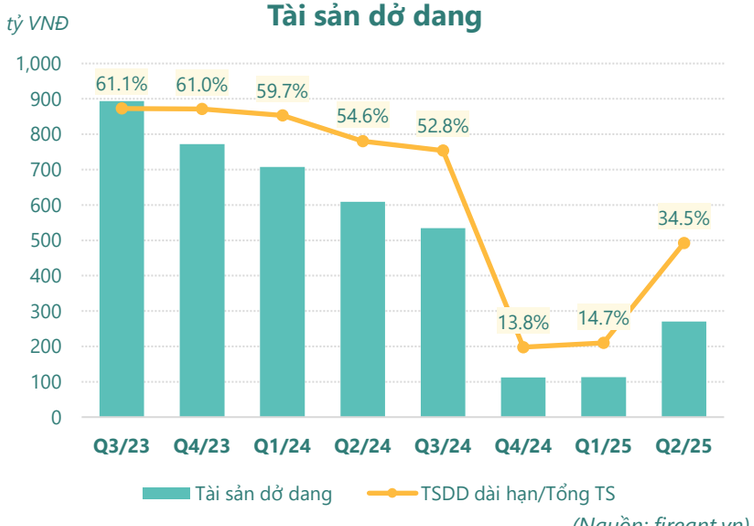
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



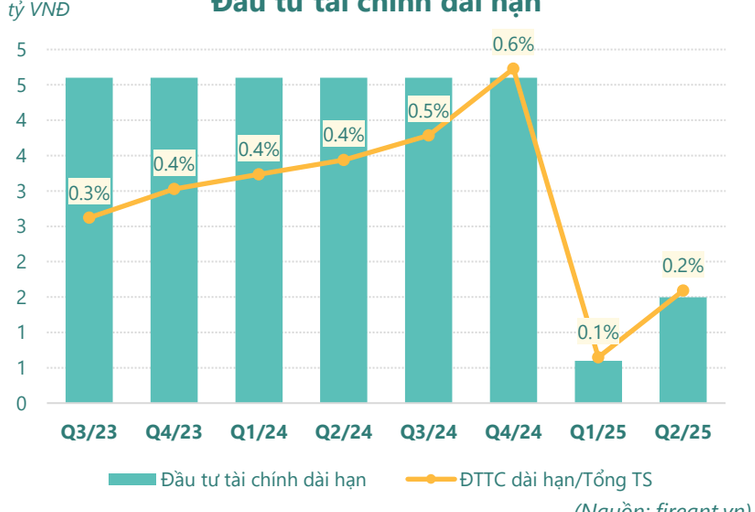
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



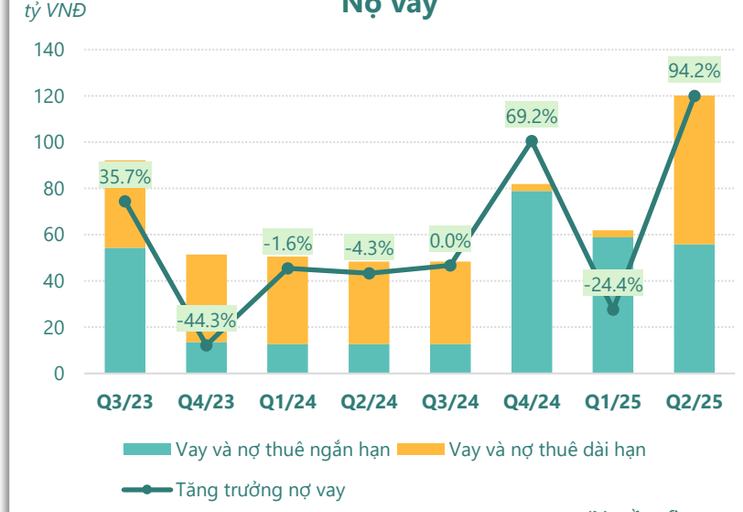
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

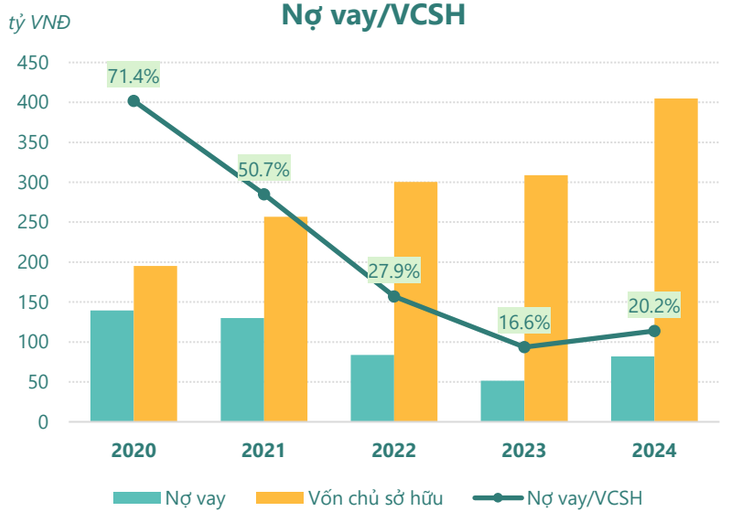
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



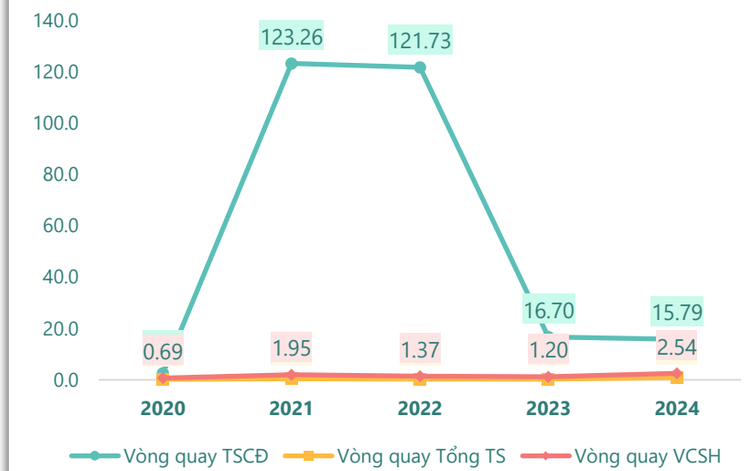
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



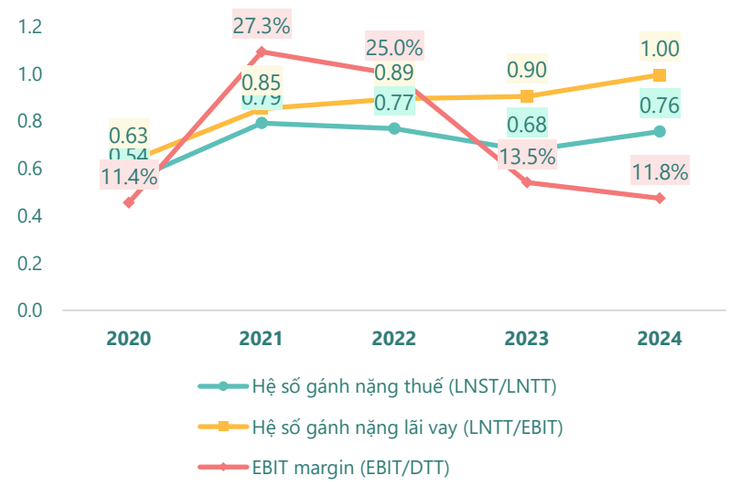
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



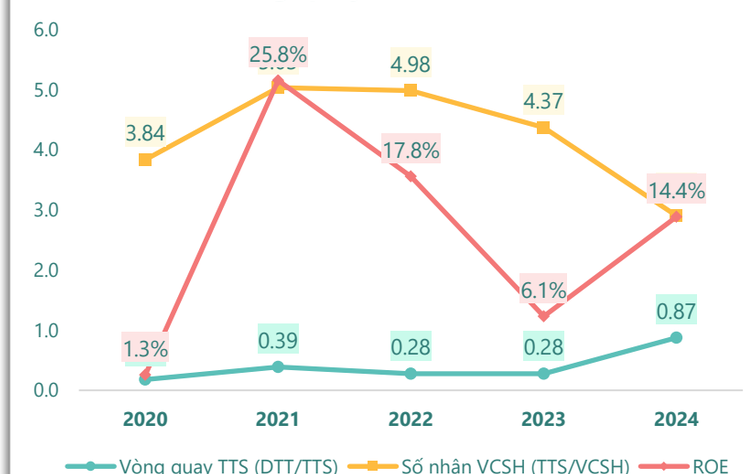
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



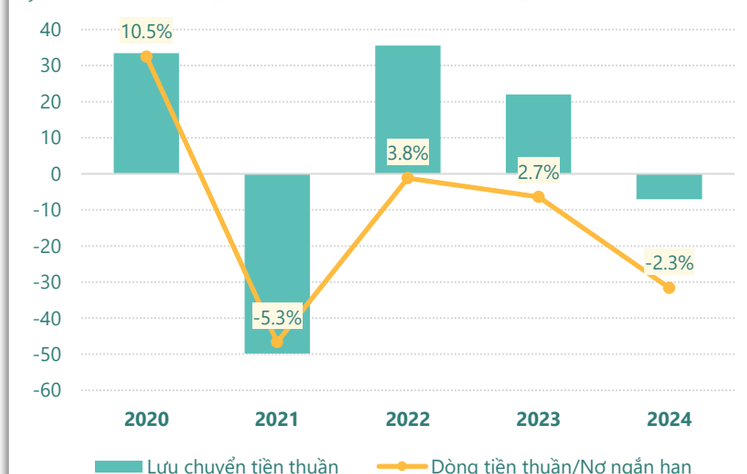
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**22.5**	**102**	**-77.9%**	**33.2**	**191**	**-82.6%**
Giá vốn hàng bán	18.8	93.9	-80.0%	26.8	169	-84.2%
Lợi nhuận gộp	3.74	8.19	-54.3%	6.39	21.6	-70.4%
Doanh thu HĐTC	3.31	2.35	40.8%	4.13	5.64	-26.7%
Chi phí TC	1.81	0.06	2924%	2.83	0.06	4351%
Chi phí lãi vay	2.71	0.06	4413%	2.71	0.06	4650%
LN trong công ty LKLD	**0.89**	**0.00**		**0.89**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	4.11	-100%	0	9.05	-100%
Chi phí QLDN	**5.12**	**6.86**	**-25.3%**	**8.10**	**12.6**	**-35.9%**
LN thuần từ HĐKD	1.01	-0.48	310%	0.49	5.51	-91.1%
Lợi nhuận khác	**0.44**	**1.30**	**-65.8%**	**1.09**	**1.68**	**-35.3%**
LN trước thuế	1.45	0.82	77.2%	1.58	7.19	-78.0%
Lợi nhuận sau thuế	**1.33**	**0.49**	**172%**	**1.42**	**4.87**	**-70.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.20**	**0.33**	**264%**	**1.25**	**2.46**	**-49.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.9	-14.5	24.0	12.9	-27.6	-97.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.88	8.21	-1.87	-78.9	9.18	3.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.2	0	1.00	53.0	-8.43	90.2
Tiền đầu kỳ	74.9	64.1	57.8	80.9	67.8	41.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.8**	**-6.29**	**23.2**	**-13.1**	**-26.8**	**-3.74**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	64.1	57.8	80.9	67.8	41.0	37.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**783**	**810**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	425	609	-30.2%
Tiền và tương đương tiền	37.3	67.8	-45.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	33.2	-100%
Phải thu ngắn hạn	375	497	-24.6%
Hàng tồn kho	9.06	9.12	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.91	1.53	156%
Tài sản dài hạn	**358**	**201**	**77.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	72.2	74.4	-2.9%
Bất động sản đầu tư	8.65	8.61	0.5%
Tài sản dở dang	270	112	140%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.49	0.60	149%
Tài sản dài hạn khác	**5.76**	**0.07**	**8330%**
Lợi thế thương mại	0	5.56	-100%
Nợ phải trả	392	405	-3.3%
Nợ ngắn hạn	**233**	**301**	**-22.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.8	78.8	-29.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.0	52.6	-58.1%
Nợ dài hạn	159	104	52.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	64.3	3.03	2020%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**391**	**405**	**-3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**391**	**405**	**-3.4%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)